TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BẮC GIANG** Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST Ngày 12/01/2023 *V/v "Tranh chấp Ly hôn, con chung"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Đô

Ông Nguyễn Ngọc Trứ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện H, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 336/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/11/2022 về việc "*Tranh chấp Ly hôn, con chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/12/2022 giữa các đương sự;

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1994 (có mặt)
Nơi ĐKHK: thôn C, xã X, huyện H, tỉnh Bắc Giang
Nơi ở: thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang
-Bị đơn: Anh Phạm Quốc V, sinh năm 1987 (có mặt)
Nơi cư trú: thôn C, xã X, huyện H, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Việt ngày 02/4/2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện H, tỉnh Bắc Giang, kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu nhau trước khi kết hôn khoảng nửa tháng. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ngay và ở riêng với gia đình chồng. Trong quá trình chung sống thì cuộc sống vợ chồng bình thường, hai bên không có tiếng nói chung, hay cãi nhau, bản thân anh Việt hay uống rượu, có đánh chị 2 lần, sống không có trách nhiệm với vợ con, hàng tháng đi làm thì tiền của ai người đó cầm, anh Việt hay ghen tuông nói xúc phạm, đuổi chị và thách thức chị làm đơn ly hôn. Chị bỏ

về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 10 năm 2022 cho đến nay, anh Việt có xuống nhà bố mẹ chị nói chuyện và bảo chị về nhưng chị không về. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn anh Việt.

- Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Thị Thanh Mai, sinh ngày 03/02/2013 và cháu Phạm Thị Quỳnh Trang, sinh ngày 12/5/2019. Con chung thì vẫn ở với anh chị, từ khi chị về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 10 năm 2022 đến nay thì các con chung ở với anh Việt, sức khỏe cháu phát triển tốt. Khi ly hôn thì chị xin được nuôi cháu Phạm Thị Quỳnh Trang, sinh ngày 12/5/2019, anh Việt nuôi cháu Phạm Thị Thanh Mai, sinh ngày 03/02/2013. Còn nếu anh Việt có nguyện vọng nuôi cả hai con chung thì chị cũng đồng ý. Vấn đề cấp dưỡng hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay chị đang làm nghề công nhân, thu nhập hàng tháng 10.000.000 đồng, chị xác định đủ điều kiện về kinh tế và thời gian để nuôi con chung.

-Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa chị Tâm có mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến của mình xin ly hôn anh Việt; con chung chị đồng ý để cho anh Việt tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung; về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Phạm Quốc V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện kết hôn anh nhất trí với ý kiến của chị Tâm. Trong quá trình chung sống thì cuộc sống vợ chồng bình thường, không có gì mâu thuẫn lớn, chỉ là nói nhau, còn không có việc đánh nhau. Trong thời gian chị Tâm đi làm thì thời gian về nhà hay về muộn, khi anh hỏi thì chị Tâm đều nói vì lý do công việc. Vào ngày 21/9/2022 âm lịch thì hai bên có xảy ra cuộc cãi nhau liên quan đến chiếc thẻ do chị Tâm cầm của người khác thì anh có hỏi thì dẫn đến hai bên cãi nhau, đến cuối tuần chị Tâm mang quần áo về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay. Khi chị Tâm về nhà bố mẹ đẻ thì anh có xuống nói chuyện đón về nhưng chị Tâm không về. Nay chị Tâm có đơn xin ly hôn thì anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn, còn nếu chị Tâm vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh tôn trọng quyết định của chị Tâm.

- Về con chung: Anh xác định có 02 con chung như chị Tâm trình bày là đúng, hiện nay hai cháu đang ở với anh. Khi ly hôn thì anh xin được nuôi 2 con chung, không yêu cầu chị Tâm cấp dưỡng nuôi con.

Anh hiện nay đang làm công ty, thu nhập hàng tháng 10.000.000 đồng, anh xác định đủ điều kiện về kinh tế cũng như về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Tại phiên tòa anh Việt có mặt và giữ nguyên ý kiến của mình: Về ly hôn thì anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nếu chị Tâm quyết tâm ly hôn thì anh tôn trọng quyết dịnh của chị Tâm; về con chung anh xin nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị Tâm cấp dưỡng nuôi con; về tài sản, công nợ anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án chấp hành tốt.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phạm Quốc V.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Thanh Mai, sinh ngày 03/02/2013 và cháu Phạm Thị Quỳnh Trang, sinh ngày 12/5/2019 cho anh Phạm Quốc V tiếp tục nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng các bên không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về công nợ, tài sản chung: Chị Tâm, anh Việt không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Tâm phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 18 tháng 11 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện H thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T xin ly hôn anh Phạm Quốc V có nơi cư trú tại thôn C, xã X, huyện H là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Quốc V xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã X, huyện H, tỉnh Bắc Giang, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Qua xác minh tại địa phương và căn cứ vào trình bày của hai bên, Hội đồng xét xử, xét thấy chị Tâm, anh Việt sau khi về chung sống thì thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không tin tưởng nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng dạn nứt. Khi xẩy ra mâu thuẫn đã được gia đình hai bên và vợ chồng tự hòa giải nhưng không thành, chị Tâm đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 10 năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian chị Tâm về nhà bố mẹ đẻ ở thì bản thân anh Việt có xuống đón về đoàn tụ nhưng chị Tâm không về. Nay chị Tâm xác

định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn, anh Việt xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nếu chị Tâm quyết tâm ly hôn thì anh tôn trọng quyết định của chị Tâm. Tại phiên tòa chị Tâm vẫn quyết tâm xin ly hôn anh Việt. Như vậy, xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung của chị Tâm và anh Việt không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tâm là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Quốc V xác định có 02 con chung là cháu Phạm Thị Thanh Mai, sinh ngày 03/02/2013 và cháu Phạm Thị Quỳnh Trang, sinh ngày 12/5/2019. Ly hôn chị Tâm và anh Việt thỏa thuận để anh Việt tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung. Xét thấy cả 02 cháu đang ở ổn định với anh Việt, để đảm bảo sự phát triển ổn định của các con chung, cũng như nguyện vọng, điều kiện nuôi dưỡng của hai bên. Do vậy, cần chấp nhận sự thỏa thuận của hai bên, giao cả 02 con chung cho anh Việt tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự tự thỏa thuận nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Tâm, anh Việt không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 5; khoản 6 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phạm Quốc V.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Thanh Mai, sinh ngày 03/02/2013 và cháu Phạm Thị Quỳnh Trang, sinh ngày 12/5/2019 cho anh Phạm Quốc V tiếp tục nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng các bên không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về công nợ, tài sản chung: Chị Tâm, anh Việt không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008464 ngày 18/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Tâm đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Sự